

Bản án số: 47/2023/HS-ST

Ngày 18 – 7 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Linh (Cán bộ hưu trí)

Bà Nông Thị Thùy Trang (Giáo viên)

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Văn H, sinh năm 2004, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H (Chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1982; có vợ là H'N M, sinh năm 2004 và 01 con, sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 25 tháng 5 năm 2023. Hiện đang bị tạm giam, có mặt.

2. Họ và tên: Hoàng Văn S, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2005, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn A, sinh năm 1977 và bà Lê Thị Đ, sinh năm 1982; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam về tội phạm khác, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn S:

1. Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1977, nghề nghiệp: Làm nông; Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1982, nghề nghiệp: Làm nông; Cùng trú tại thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh

Đắk Lắk; Là bố mẹ của bị cáo (Đều vắng mặt).

2. Ông Trương Công C; Chức vụ: Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Người bào chữa*: Ông Hoàng Văn C, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk, bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn S, có mặt.

- *Bị hại*:

1. Bà Hà Thị R, sinh năm 1977, có mặt.

Trú tại: Thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971, vắng mặt.

Trú tại: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Hoàng Thị S, có mặt.

Trú tại: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, 00 phút ngày 19 tháng 3 năm 2023, Hoàng Văn H rủ Hoàng Văn S đi trộm cắp tài sản, thì S đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô mang BKS 47AB – 238.54 của bà Hoàng Thị S chở S đi đến khu vực suối thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đến nơi, H và S phát hiện có 02 máy bơm nước (01 cái của bà Hà Thị R, 01 cái của bà Nguyễn Thị T) đang ở dưới suối nhưng không có người trông coi. Thấy vậy, H dừng xe lại để S đi xuống dùng tay kéo 02 máy bơm lên và tháo cùm ống nước, còn H dùng dao cắt dây điện rồi cả hai mang đi cất giấu tại bụi cỏ gần đó. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, H lại chở S đi đến khu vực trước đó mà H và S cất giấu máy bơm để mang đi bán, thì gặp Nông Đức T. H đã nói cho T biết tài sản mà mình trộm cắp được là 02 máy bơm, đồng thời rủ T mang đi tiêu thụ nhưng T không đồng ý. Lúc này, phát hiện bà T và bà R đang đi tìm tài sản nên cả hai bỏ đi.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 02 và 04/KL–HĐĐGTS ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận: 01 máy bơm nước nhãn hiệu DAPHOVINA, loại bơm 2,5HP, 1.8kw, năm 2019, có giá 1.400.000đ; 01 máy bơm nước không rõ nhãn hiệu, loại bơm 3HP, 2.2Kw, mua năm 2021, có giá 1.700.000đ.

Bản cáo trạng số 45/CT - VKS ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Kết luận điều tra và nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với

các bị cáo về tội trộm cắp tài sản và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 08 đến 10 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 06 đến 07 tháng tù. Về phần trách nhiệm dân sự: Bà T và bà R không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Công nhận Cơ quan CSĐT trả lại cho bà S chiếc xe mô tô mang BKS 47AB – 238.54. Trả lại cho bà T và bà R, mỗi người 01 máy bơm nước. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao. Đối với Nông Đức T có hành vi không tỏ giác tội phạm nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo S không tranh luận gì mà xin cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bà Hà Thị R đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 3 năm 2023, tại khu vực suối thuộc thôn 2, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk các bị cáo trộm cắp 02 máy bơm nước (01 cái của bà R, 01 cái của bà T), có tổng giá trị là 3.100.000đ. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[3] Mặc dù tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bà R và bà T một cách trái pháp luật. Ngoài ra còn xâm phạm đến trật tự trị an trong xã hội. Tuy các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được rằng tài sản của người khác là vốn quý, được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái phép đều bị pháp luật trừng trị, nhưng do ý thức coi thường pháp

luật và với mục đích tư lợi cá nhân nên khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 19 tháng 3 năm 2023, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trộm cắp của bà R, bà T 02 máy bơm nước, tổng giá trị 3.100.000đ. Xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy đòi hỏi pháp luật phải có biện pháp trừng trị thích đáng đối với các bị cáo, buộc các bị cáo cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như vậy mới đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản các bị cáo trộm cắp đã trả lại cho bị hại. Khi phạm tội bị cáo S là người dưới 18 tuổi và các bị cáo là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật, xã hội có phần hạn chế. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[5] Trong vụ án có hai bị cáo tham gia và tham gia với vai trò khác nhau, do đó cần phân hóa vai trò của từng bị cáo, trên cơ sở đó định ra cho mỗi bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ mà các bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo H là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, xúi giục bị cáo S là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo cũng là người thực hành tích cực. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng. Còn bị cáo S tham gia với vai trò thứ yếu, chỉ là người thực hành và là người bị rủ rê, lôi kéo. Vì vậy xét xử bị cáo H với mức hình phạt cao hơn đối với bị cáo S.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà R và bà T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô mang BKS 47AB – 238.54 là tài sản của bà Hoàng Thị S. Khi các bị cáo lấy đi sử dụng vào việc phạm tội, bà S không biết, do đó Cơ quan CSĐT và VKS trả lại cho bà S là đúng nên chấp nhận.

Đối với 02 máy bơm nước mà các bị cáo trộm cắp là tài sản của bà R và bà T. Do đó Cơ quan CSĐT trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Đối với 01 con dao bằng kim loại là tang vật vụ án và xét thấy không còn giá trị sử dụng vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy.

[8] Đối với Nông Đức T có hành vi không tố giác tội phạm, nhưng các bị cáo bị truy tố về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, vì vậy Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện Kiểm sát không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS đối với bị cáo Hoàng Văn H. Áp dụng thêm các điều 54, 91, 101 của Bộ luật hình sự

đối với bị cáo Hoàng Văn S.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn H và Hoàng Văn S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25 tháng 5 năm 2023. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Công nhận Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại cho bà Hoàng Thị S 01 chiếc xe mô tô mang BKS 47AB – 238.54. Trả lại cho bà Hà Thị R và bà Nguyễn Thị T mỗi người 01 máy bơm nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại (*Có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa Cơ quan CSĐT với Chi cục thi hành án dân sự được lưu trong hồ sơ*).

4. Về án phí: Các bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (Người dân tộc thiểu số, sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp (Ông Trương Công C) và người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn S, bà Hà Thị R, bà Hoàng Thị S đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Hoàng Văn A, bà Lê Thị Đ, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện E;
- Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo S;
- Ông Hoàng Văn A, bà Lê Thị Đ;
- Ông Trương Công C;
- Bà Hà Thị R;
- Bà Nguyễn Thị T;
- Bà Hoàng Thị S;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

ĐỖ VĂN DŨNG